

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày: 01-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Trọng Điền;

Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1997, tại Châu Đốc – An Giang.

Nơi cư trú: tổ 11, ấp G, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh T, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2019, có mặt.

2. Võ Văn T, sinh ngày 26/01/2002; tại Phú T – An Giang.

Nơi cư trú: tổ 06, ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha không rõ, con bà Võ Thị T, sống chung như vợ chồng với Lê Thị Kiều H, có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2020, có mặt.

Bị hại: Ông Trịnh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 7, khóm C, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ 11, ấp C, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bà Phan Thị M, sinh năm 1951; nơi cư trú: tổ 06, ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bà Hồ Thị S, sinh năm 1956; nơi cư trú: tổ 13, ấp C, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1952; nơi cư trú: tổ 13, ấp C, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 33/19, tổ 02, khóm Châu Q, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Em Huỳnh Hữu N, sinh năm 2005.

Người đại diện hợp pháp của em N: Bà Trần Lệ Q, sinh năm 1972, là mẹ ruột của N.

- Em Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1991.

- Em Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1997.

- Em Lý Duy M, sinh năm 1991.

- Em Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 1993.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 10/01/2019, B, Đ và T chơi game tại tiệm game “*Thiên Long*”, khóm Châu Long 8, phường B. B phát sinh mâu thuẫn cự cãi với T1 bị T1 đánh trúng mặt chạy ra ngoài nói cho Đ, T biết cùng Đ và T đuổi đánh T1, T1 bỏ chạy vấp té thì bị B, Đ, T dùng tay, chân đánh, đá vào người T1; B dùng tay đánh vào mặt T1 và nhặt gạch ông, cây đánh trúng đầu, mặt T1; T dùng gạch ông đánh trúng đầu T1. Thấy T1 bị thương tích nên B, Đ, T bỏ đi. T1 thuê xe ôm chở đến Bệnh viện cấp cứu. Ngày 20/01/2019, T1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người gây thương tích cho T1.

Vật chứng truy tìm nhưng không thu hồi được.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 43/19/TgT ngày 01/3/2019 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế tỉnh An Giang, ghi nhận thương tích của bị hại T1 như sau:

Dấu hiệu chính qua giám Định: Sẹo sây sát cằm trái, kích thước (02 × 0.3) cm, mờ; sẹo sây sát trán phải kích thước (02 × 0.2) cm, mờ, phẳng; sẹo sây sát sống mũi kích thước (01 × 0.1) cm, mờ; sẹo giữa cằm kích thước (03 × 0.1) cm; sẹo sây sát mặt sau 1/3 trên cằm tay phải kích thước (0.5 × 0.5) cm; gãy thành trước xương hàm trái + gãy thành ngoài hốc mắt trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 19%.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang truy tố Nguyễn Hoàng B, Võ Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 12.000.000đ để khắc phục hậu quả. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác Đ hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy Đ tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm các bị cáo đều là người thực hành. B có vai trò chính, T có vai trò giúp sức.

Bị cáo B rủ rê bị cáo T (chưa đủ 18 tuổi) thực hiện tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, cần xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, đó là: Các bị cáo không tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải”; Người bị hại cũng có một phần lỗi và có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo B có người thân là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhệm hình sự quy Định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi phạm tội bị cáo T trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, do đó khi quyết Định hình phạt cần áp dụng những quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật Hình sự, để xét xử đối với bị cáo.

Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy Định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B từ 01 năm đến 01 năm 9 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xem xét.

Đối với Phạm Ngọc Đ, sau khi gây án đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra truy nã, tạm đình chỉ, tách vụ án đối với bị can, bắt được xử lý sau.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nỡ, ông Long; Người làm chứng em Nhân, người đại diện hợp pháp của em Nhân bà Quyên, Linh, Vàng, Mỹ, Nhi vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng

mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa,

Bị cáo B khai nhận, khoảng 19 giờ ngày 10/01/2019, bị cáo đang chơi game tại tiệm game “*Thiên Long*”, xảy ra mâu thuẫn cự cãi với T1 bị T1 đánh trúng mặt, bị cáo chạy ra ngoài nói cho Đ, T biết kêu Đ và T cùng bị cáo đánh T1, T1 bỏ chạy vấp té thì bị cáo cùng Đ, T dùng tay, chân đánh, đá vào người T1. Riêng bị cáo còn dùng tay và gạch đánh vào mặt, đầu T1.

Bị cáo T khai nhận, diễn biến sự việc như lời B khai nhận. Bên cạnh đó, bị cáo có dùng gạch ống đánh trúng đầu T1. Thấy T1 bị thương tích nên cả 03 bỏ đi.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường ngày 27/02/2019 do Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc lập; lời khai của bị hại T1 về việc bị các bị cáo cùng Đ dùng tay, chân, cây và gạch đánh vào người, vào đầu, mặt của bị hại, gây thương tích.

Bên cạnh đó, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác Đ, các bị cáo đã cùng với Đ đánh và gây thương tích cho bị hại. Trong đó, các bị cáo đều là người trực tiếp dùng tay, chân, cây, gạch đánh gây thương tích cho bị hại.

Theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 và tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của Bộ luật Hình sự, cây gỗ, gạch ống mà các bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại là hung khí nguy hiểm. Đồng thời, theo kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 43/19/TgT ngày 01/3/2019 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế tỉnh An Giang, thương tích mà các bị cáo gây ra cho bị hại T1 có tỷ lệ thương tích 19%.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho anh T1 là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm sức khỏe của người khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua cách Tc các bị cáo thực hiện hành vi, sử dụng công cụ phạm tội vật có sẵn trong tự nhiên cây gỗ, gạch ống và sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ

thương tật 19%, “dùng hung khí nguy hiểm” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sức khỏe là vốn quý của mỗi cá nhân và là nền tảng để mỗi người lao động, phát triển. Chính vì vậy, quyền được an toàn về sức khỏe của con người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đối với những người xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Xét vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công mà cùng thống nhất ý chí trong thực hiện tội phạm, các bị cáo đều là người thực hành. Tuy nhiên, xem xét hành vi của từng bị cáo trong đồng phạm, nhận thấy bị cáo B là người giữ vai trò tích cực, chủ động rủ rê bị cáo T có vai trò giúp sức. Vì vậy, có xem xét đến tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo trong đồng phạm khi quyết định hình phạt. Bị cáo T chưa đủ 18 tuổi nên trong quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong xử lý hành vi phạm tội của bị cáo T như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B rủ bị cáo T (chưa đủ 18 tuổi) thực hiện tội phạm, nên bị cáo B phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo không tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị hại cũng có một phần lỗi và có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo B có người thân là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi phạm tội bị cáo T trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, do đó khi quyết định hình phạt có xem xét áp dụng những quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[7] Vấn đề khác: Đối với Phạm Ngọc Đ, sau khi gây án đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra truy nã, tạm đình chỉ, tách vụ án đối với bị can, bắt được xử lý sau là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Hoàng B; Võ Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”;

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Hoàng B: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo B được tính kể từ ngày 24/11/2019 (ngày hai mươi bốn, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Võ Văn T: 09 (chín) tháng tù (3/4 của 01 năm tù) về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo T được tính kể từ ngày 24/4/2020 (ngày hai mươi bốn, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ các Điều 135, 136, 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Nguyễn Hoàng B và Võ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo B, T; bị hại T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngọc, bà Mới, bà Sanh có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nở, ông Long vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Thi hành án DS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga